

Số: 983/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 702/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Âu Thị Bích T**, sinh năm 1992; HKTT: Số 69 ngõ 48 đường N, tổ 2 phường V, thành phố Hà Nội.

CCCD: 001192004xxx, ngày cấp: 01/05/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

* **Bị đơn:** Anh **Lê Đức T1**, sinh năm 1986; HKTT: Số 29 ngõ 43 đường L, tổ 43 phường B, thành phố Hà Nội. CCCD: 001086039xxx, ngày cấp: 04/03/2026, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2026;

XÉT THẤY

Chị Âu Thị Bích T và anh Lê Đức T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/03/2013 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận L (Nay là phường V), thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2013). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đức T1 và chị Âu Thị Bích T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về tình cảm:** Chị Âu Thị Bích T và anh Lê Đức T1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Âu Thị Bích T và anh Lê Đức T1 có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 19/07/2013, cháu Lê Trúc A1, sinh ngày 16/02/2016 và cháu Lê Đức A2 sinh ngày 18/01/2021. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị Âu Thị Bích T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Ngọc Bảo A, cháu Lê Trúc A1 và cháu Lê Đức A2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc đóng góp nuôi hai con đối với anh T1 kể từ tháng 08 năm 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh Lê Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:**

+ Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

+ Về tài sản chung là nhà ở và đất ở: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

- **Về công nợ chung:** Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Âu Thị Bích T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0015648, ký hiệu: BLTU/26E ngày 25 tháng 06 năm 2026 tại Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Chị Âu Thị Bích T được trả lại số tiền 150.000 đồng

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS thành phố. Hà Nội;
- UBND phường Việt H, quận L (nay là phường V), thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh